

Bản án số: 02/2018/KDTM-ST

Ngày: 18-4-2018

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Ngôn
2. Bà Trịnh Thị Lệ Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Yến Khanh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Hồng Vi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An, xét xử công khai vụ án đã thụ lý số 35/2017/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2017 về vụ “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐST-KDTM ngày 01 tháng 3 năm 2018 giữa :

- Nguyên đơn: Ngân hàng V; địa chỉ trụ sở số 198 Trần Q, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông N, chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng V là người đại diện theo pháp luật. Do bà N, chức vụ Phó trưởng phòng Khách hàng Ngân hàng V- chi nhánh Long An là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 520/UQ-NHNT.LA ngày 23 tháng 11 năm 2017), có mặt.

- Bị đơn: Công ty B; địa chỉ trụ sở số 171H Phường A, thành phố T, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà T, chức vụ Giám đốc; cư trú tại số 171 H, Phường A, thành phố T, tỉnh Long An là người đại diện theo pháp luật của bị đơn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 23 tháng 11 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn Ngân hàng V (Sau đây gọi tắt là V) do bà N trình bày:

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 0623/TDC/10LD ngày 04 tháng 10 năm 2010 và hợp đồng cho vay theo hạn mức số 02/CV/0623/TDC/10LD ngày 29 tháng 11 năm 2011 thì Công ty B (Sau đây gọi tắt là Công ty B) có ký kết hợp đồng vay vốn tại V - chi nhánh Long An số tiền 7.000.000.000đ, thời hạn vay là 9 tháng theo từng lần nhận nợ, mục đích vay là bổ sung vốn kinh doanh, cụ thể các giấy nhận nợ như sau:

- Giấy nhận nợ số 01: Tài khoản vay số 0637000091540 ngày 29/11/2011, số tiền vay là 360.000.000đ, đến ngày 22/11/2017 trả hết vốn gốc, nợ lãi đến ngày 22/11/2011 là 2.080.770đ.

- Giấy nhận nợ số 02: Tài khoản vay số 0637000107491 ngày 23/12/2011, số tiền vay là 198.097.090đ, lãi suất 17,2%/năm, thời hạn vay 9 tháng (Từ ngày 23/12/2011 đến ngày 23/9/2012), đến ngày 22/11/2017 trả hết vốn gốc, nợ lãi đến ngày 22/11/2017 là 13.575.153đ.

- Giấy nhận nợ số 03: Tài khoản vay số 0637000107712 ngày 26/12/2011, số tiền vay là 40.140.000đ, lãi suất 17,2%/năm, thời hạn vay 9 tháng (Từ ngày 26/12/2011 đến ngày 20/9/2012), đến ngày 22/11/2017 trả hết vốn gốc, nợ lãi đến ngày 22/11/2017 là 2.784.155đ.

- Giấy nhận nợ số 04: Tài khoản vay số 0637000108543 ngày 30/12/2011, số tiền vay là 106.716.622đ, lãi suất 17,2%/năm, thời hạn vay 9 tháng (Từ ngày 30/12/2011 đến ngày 22/9/2012), đến ngày 22/11/2017 trả hết vốn gốc, nợ lãi đến ngày 22/11/2017 là 7.313.053đ.

- Giấy nhận nợ số 05: Tài khoản vay số 0637000108589 ngày 30/12/2011, số tiền vay là 201.917.773đ, lãi suất 17,2%/năm, thời hạn vay 9 tháng (Từ ngày 30/12/2011 đến ngày 25/9/2012), đến ngày 22/11/2017 trả hết vốn gốc, nợ lãi đến ngày 22/11/2017 là 31.420.877đ.

- Giấy nhận nợ số 06: Tài khoản vay số 0637000108626 ngày 30/12/2011, số tiền vay là 52.011.991đ, lãi suất 17,2%/năm, thời hạn vay 9 tháng (Từ ngày 30/12/2011 đến ngày 25/9/2012), đến ngày 22/11/2017 trả hết vốn gốc, nợ lãi đến ngày 22/11/2017 là 3.553.430đ.

- Giấy nhận nợ số 07: Tài khoản vay số 0637000108855 ngày 04/01/2012, số tiền vay là 75.000.000đ, lãi suất 17,2%/năm, thời hạn vay 9 tháng (Từ ngày 04/01/2012 đến ngày 04/10/2012), đến ngày 22/11/2017 trả hết vốn gốc, nợ lãi đến ngày 22/11/2017 là 21.086.249đ.

- Giấy nhận nợ số 08: Tài khoản vay số 0637000109035 ngày 05/01/2012, số tiền vay là 20.000.000đ, lãi suất 17,2%/năm, thời hạn vay 9 tháng (Từ ngày 05/01/2012 đến ngày 05/10/2012), đến ngày 22/11/2017 trả hết vốn gốc, nợ lãi đến ngày 22/11/2017 là 895.833đ.

- Giấy nhận nợ số 09: Tài khoản vay số 0637000110794 ngày 18/01/2012, số tiền vay là 526.300.000đ, lãi suất 17,2%/năm, thời hạn vay 6 tháng (Từ ngày 18/01/2012 đến ngày 18/7/2012), đến ngày 22/11/2017 trả hết vốn gốc, nợ lãi đến ngày 22/11/2017 là 156.521.620đ.

- Giấy nhận nợ số 10: Tài khoản vay số 0637000110806 ngày 18/01/2012, số tiền vay là 492.000.000đ, lãi suất 17,2%/năm, thời hạn vay 7 tháng (Từ ngày

18/01/2012 đến ngày 18/8/2012), đến ngày 22/11/2017 trả hết vốn gốc, nợ lãi đến ngày 22/11/2017 là 143.143.300đ.

- Giấy nhận nợ số 11: Tài khoản vay số 0637000110813 ngày 18/01/2012, số tiền vay là 180.000.000đ, lãi suất 17,2%/năm, thời hạn vay 7 tháng (Từ ngày 18/01/2012 đến ngày 18/8/2012), đến ngày 22/11/2017 trả hết vốn gốc, nợ lãi đến ngày 22/11/2017 là 52.669.500đ.

- Giấy nhận nợ số 12: Tài khoản vay số 0637000113930 ngày 22/02/2012, số tiền vay là 40.000.000đ, lãi suất 17,2%/năm, thời hạn vay 9 tháng (Từ ngày 22/02/2012 đến ngày 22/11/2012), đến ngày 22/11/2017 trả hết vốn gốc, nợ lãi đến ngày 22/11/2017 là 2.249.444đ.

- Giấy nhận nợ số 13: Tài khoản vay số 0637000114129 ngày 23/02/2012, số tiền vay là 27.902.589đ, lãi suất 17,2%/năm, thời hạn vay 9 tháng (Từ ngày 23/02/2012 đến ngày 23/11/2012), đến ngày 22/11/2017 trả hết vốn gốc, nợ lãi đến ngày 22/11/2017 là 7.554.161đ.

- Giấy nhận nợ số 14: Tài khoản vay số 0637000115161 ngày 01/3/2012, số tiền vay là 115.894.338đ, lãi suất 17,2%/năm, thời hạn vay 9 tháng (Từ ngày 01/3/2012 đến ngày 01/12/2012), đến ngày 22/11/2017 trả hết vốn gốc, nợ lãi đến ngày 22/11/2017 là 31.183.303đ.

- Giấy nhận nợ số 15: Tài khoản vay số 0637000115941 ngày 07/3/2012, số tiền vay là 45.300.000đ, lãi suất 17,2%/năm, thời hạn vay 9 tháng (Từ ngày 07/3/2012 đến ngày 07/12/2012), đến ngày 22/11/2017 trả hết vốn gốc, nợ lãi đến ngày 22/11/2017 là 12.132.094đ.

- Giấy nhận nợ số 16: Tài khoản vay số 0637000116039 ngày 08/3/2012, số tiền vay là 90.000.000đ, lãi suất 17,2%/năm, thời hạn vay 9 tháng (Từ ngày 08/03/2012 đến ngày 08/12/2012), đến ngày 22/11/2017 trả hết vốn gốc, nợ lãi đến ngày 22/11/2017 là 24.084.750đ.

- Giấy nhận nợ số 17: Tài khoản vay số 0637000116231 ngày 09/3/2012, số tiền vay là 87.421.056đ, lãi suất 17,2%/năm, thời hạn vay 9 tháng (Từ ngày 09/03/2012 đến ngày 09/12/2012), đến ngày 22/11/2017 trả hết vốn gốc, nợ lãi đến ngày 22/11/2017 là 23.376.390đ.

- Giấy nhận nợ số 18: Tài khoản vay số 0637000116433 ngày 12/3/2012, số tiền vay là 97.798.460đ, lãi suất 17,2%/năm, thời hạn vay 9 tháng (Từ ngày 12/3/2012 đến ngày 12/12/2012), đến ngày 22/11/2017 trả hết vốn gốc, nợ lãi đến ngày 22/11/2017 là 26.090.184đ.

- Giấy nhận nợ số 19: Tài khoản vay số 0637000117264 ngày 19/3/2012, số tiền vay là 148.000.000đ, lãi suất 17,2%/năm, thời hạn vay 9 tháng (Từ ngày 19/3/2012 đến ngày 19/12/2012), đến ngày 22/11/2017 trả hết vốn gốc, nợ lãi đến ngày 22/11/2017 là 39.266.866đ.

- Giấy nhận nợ số 20: Tài khoản vay số 0637000118187 ngày 26/3/2012, số tiền vay là 59.480.200đ, lãi suất 17,2%/năm, thời hạn vay 9 tháng (Từ ngày 26/3/2012 đến ngày 20/12/2012), đến ngày 22/11/2017 trả hết vốn gốc, nợ lãi đến ngày 22/11/2017 là 15.768.697đ.

- Giấy nhận nợ số 21: Tài khoản vay số 0637000118509 ngày 29/03/2012, số tiền vay là 600.249.217đ, lãi suất 17,2%/năm, thời hạn vay 9 tháng (Từ ngày 29/3/2012 đến ngày 21/12/2012), đến ngày 22/11/2017 trả hết vốn gốc, nợ lãi đến ngày 22/11/2017 là 30.129.176đ.

- Giấy nhận nợ số 22: Tài khoản vay số 0637000118563 ngày 29/3/2012, số tiền vay là 141.372.000đ, lãi suất 17,2%/năm, thời hạn vay 9 tháng (Từ ngày 29/3/2012 đến ngày 23/12/2012), đến ngày 22/11/2017 trả hết vốn gốc, nợ lãi đến ngày 22/11/2017 là 37.361.086đ.

- Giấy nhận nợ số 23: Tài khoản vay số 0637000118783 ngày 30/3/2012, số tiền vay là 310.000.000đ, lãi suất 17,2%/năm, thời hạn vay 9 tháng (Từ ngày 30/3/2012 đến ngày 25/12/2012), đến ngày 22/11/2017 trả hết vốn gốc, nợ lãi đến ngày 22/11/2017 là 81.864.972đ.

- Giấy nhận nợ số 24: Tài khoản vay số 0637000121352 ngày 24/4/2012, số tiền vay là 303.000.000đ, lãi suất 17,2%/năm, thời hạn vay 9 tháng (Từ ngày 24/4/2012 đến ngày 20/01/2013), đến ngày 22/11/2017 trả hết vốn gốc, nợ lãi đến ngày 22/11/2017 là 70.175.092đ.

- Giấy nhận nợ số 25: Tài khoản vay số 0637000122129 ngày 03/5/2012, số tiền vay là 750.000.000đ, lãi suất 17,2%/năm, thời hạn vay 9 tháng (Từ ngày 03/5/2012 đến ngày 10/01/2013), đến ngày 22/11/2017 trả hết vốn gốc, nợ lãi đến ngày 22/11/2017 là 47.020.833đ.

- Giấy nhận nợ số 26: Tài khoản vay số 0637000122138 ngày 03/5/2012, số tiền vay là 750.000.000đ, lãi suất 17,2%/năm, thời hạn vay 9 tháng (Từ ngày 03/5/2012 đến ngày 10/01/2013), đến ngày 22/11/2017 trả hết vốn gốc, nợ lãi đến ngày 22/11/2017 là 34.697.917đ.

- Giấy nhận nợ số 27: Tài khoản vay số 0637000122129 ngày 03/5/2012, số tiền vay là 750.000.000đ, lãi suất 17,2%/năm, thời hạn vay 9 tháng (Từ ngày 03/5/2012 đến ngày 20/01/2013), đến ngày 22/11/2017 trả hết vốn gốc, nợ lãi đến ngày 22/11/2017 là 83.306.118đ.

- Giấy nhận nợ số 28: Tài khoản vay số 0637000122156 ngày 03/5/2012, số tiền vay là 750.000.000đ, lãi suất 17,2%/năm, thời hạn vay 9 tháng (Từ ngày 03/5/2012 đến ngày 03/02/2013), đến ngày 22/11/2017 trả hết vốn gốc, nợ lãi đến ngày 22/11/2017 là 41.020.834đ.

- Giấy nhận nợ số 29: Tài khoản vay số 0637000122495 ngày 04/5/2012, số tiền vay là 40.000.000đ, lãi suất 17,2%/năm, thời hạn vay 9 tháng (Từ ngày 04/5/2012 đến ngày 04/2/2013), đến ngày 22/11/2017 trả hết vốn gốc, nợ lãi đến ngày 22/11/2017 là 1.918.889đ.

Tính đến ngày 22/11/2017 Công ty B đã thanh toán xong tiền nợ gốc, nhưng tiền lãi còn nợ V là 1.044.244.746đ. Đại diện V bà yêu cầu Công ty B có nghĩa vụ trả cho V số tiền nợ lãi trên.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có xác minh tình hình hoạt động của Công ty B. Qua kết quả xác minh của Phòng Đăng ký Kinh doanh của Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Long An thì Công ty B còn đang hoạt động và có trụ sở chính tại số 171 H, Phường A,

thành phố T, tỉnh Long An. Tòa án đã tiến hành thông báo cho người đại diện theo pháp luật của Công ty B là bà T biết Tòa án đã thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của V đối với Công ty B theo qui định pháp luật, nhưng bà T không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án về việc khởi kiện của V.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm về giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, thư ký phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý và trong quá trình xét xử tại phiên tòa đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đối với các bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Do đó căn cứ Điều 474, 476 Bộ luật Dân sự 2005 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc Công ty B thanh toán cho Ngân hàng V-Chi nhánh Long An nợ lãi vay nợ lãi vay số tiền 1.044.244.746 đồng (Một tỷ không trăm bốn mươi bốn triệu hai trăm bốn mươi bốn ngàn bảy trăm bốn mươi sáu đồng). Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vào ngày 04 tháng 10 năm 2010 Công ty B do bà T chức vụ giám đốc có ký kết hợp đồng tín dụng số 0623/TDC/10LD-201 và hợp đồng cho vay theo hạn mức số 02/CV/0623/TDC/10/LD ngày 29 tháng 11 năm 2011 vay của V-chi nhánh Long An số tiền vay 7.000.000.000đ, lãi suất 17,2%/năm, thời hạn vay 9 tháng, mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh. Sau khi vay đến ngày 22/11/2017 thì Công ty B đã thanh toán xong số tiền nợ gốc nhưng tiền nợ lãi thì Công ty B chưa thanh toán hết. Do không thực hiện việc trả tiền nợ lãi cho V theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã cam kết nên V có đơn khởi kiện Công ty B làm phát sinh vụ kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án. Căn cứ Điều 30, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T. Tòa án có thông báo cho đại diện theo pháp luật của Công ty B là bà T đến tham gia phiên tòa giải quyết vụ án nhưng bà T vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn V do bà N đại diện yêu cầu Công ty B trả số tiền vay gồm nợ lãi là 1.044.244.746đ đồng. Thấy: Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 0623/TDC/10LD ngày 04/10/2010 thì Công ty B có ký kết hợp đồng tín dụng với V-chi nhánh Long An để vay số tiền 7.000.000.000đ, lãi suất 17,2%/năm, thời gian vay 9 tháng, mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh. Việc nhận tiền được thể hiện hiện cụ thể qua 29 giấy nhận nợ có ký tên của bà T và dấu của Công ty B. Như vậy cần xác định Công ty B có vay vốn tại V là có căn cứ.

[3] Theo trình bày của đại diện V thì sau khi vay đến ngày 22/11/2017 thì Công ty B đã thanh toán xong số tiền nợ gốc và nợ lãi 781.000.000đ. Tuy nhiên tiền nợ lãi là 1.044.244.746đ Công ty B chưa thanh toán. Tòa án có thông báo cho bà T đến tham gia giải quyết vụ án theo quy định pháp luật nhưng bà T không đến Tòa. Căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì cần xác định Công ty B còn nợ V số tiền lãi do chậm trả nợ là 1.044.244.746đ là có căn cứ. Cần buộc Công ty B trả số tiền nợ lãi trên cho V là phù hợp.

[4] Về án phí: Công ty B phải chịu án phí theo Qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30, Điều 35, Điều 39 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận theo đơn khởi kiện của Ngân hàng V do bà N đại diện hợp pháp. Buộc Công ty B trả cho Ngân hàng V số tiền vay gồm nợ lãi là 1.044.244.746đ (Một tỷ không trăm bốn mươi bốn triệu hai trăm bốn mươi bốn ngàn bảy trăm bốn mươi sáu đồng)

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Công ty B phải nộp 43.327.342đ (Bốn mươi ba triệu, ba trăm hai mươi bảy ngàn, ba trăm bốn mươi hai đồng) án phí.

2.2. Ngân hàng V không phải nộp án phí. Hoàn tạm ứng án phí cho Ngân hàng V số tiền 21.663.671đ (Hai mươi một triệu sáu trăm sáu mươi ba ngàn sáu trăm bảy mươi một đồng) do bà N nộp theo biên lai thu số 0001715 ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Long An

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án Dân Sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân Sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án Dân Sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND TP;
- Các đương sự;
- THA, AV, Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Phụng

